

# **Giải pháp kỹ thuật góp phần nâng cao chất lượng và khai thác bền vững sản phẩm cá tra nuôi xuất khẩu ở vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long**

**Ts. Dương Nhật Long**  
*Khoa Thủy sản – Đại Học Cần Thơ*

## **I. Vấn đề từ thực tế sản xuất**

Cá tra (*Pangasius hypophthalmus* Sauvage, 1878) là đối tượng có thịt ngon và từ lâu đã được nuôi khá phổ biến trong các loại hình thủy vực vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) dưới hình thức truyền thống dân gian, trong đó tập trung nhiều ở các tỉnh như Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long và Cần Thơ.

Khảo sát đặc điểm sinh học của cá tra cho thấy đây là loài có khá nhiều ưu điểm mà những loài khác không có được như: phổ dinh dưỡng rộng, tăng trưởng khá nhanh, đặc biệt khả năng thích nghi của cá tra rất tốt với điều kiện môi trường nuôi khắc nghiệt như: cá có khả năng chịu đựng được điều kiện dưỡng khí trong ao nuôi thấp, hàm lượng ammonia, COD và H<sub>2</sub>S cao và cuối cùng là năng suất sau một chu kỳ nuôi thường đạt rất tốt, đã góp phần quan trọng trong việc cải thiện điều kiện thu nhập và làm giàu cho cuộc sống của của nhiều nông hộ trong vùng. Trước đây, do nhiều nguyên nhân khác nhau, phong trào nuôi cá Tra thương phẩm vẫn chưa thể phát triển rộng khắp, đồng thời năng suất sản phẩm tạo ra cũng chỉ đủ cung cấp chủ yếu cho nhu cầu tiêu dùng của thị trường nội địa. Năm 1998 – 2000 với sự thành công trong hoạt động nghiên cứu xây dựng “ Quy trình kỹ thuật sinh sản nhân tạo và ương nuôi cá Tra thương phẩm” của Khoa Thủy sản – Đại học Cần Thơ, hiện nay có thể nói phong trào nuôi cá tra thương phẩm đang phát triển rất mạnh ở vùng ĐBSCL, năng suất và sản lượng nuôi không ngừng tăng, đồng thời lợi nhuận từ các mô hình cũng được khẳng định. Đối với cá Tra nuôi ở ao và bè, năm 1994 đạt 30.000 tấn, năm 2001 đạt 150.000 tấn, năm 2002 đạt 200.000 tấn, năm 2003 trên 200.000 tấn và năm 2004 trên 300.000 tấn. Tuy nhiên trong khoảng thời gian gần đây, khả năng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cá Tra nuôi của ngư dân và các doanh nghiệp xuất khẩu sút giảm một cách đáng kể, rất nhiều cơ sở nuôi bị thua lỗ, thậm chí bị phá sản do người nuôi không bán được cá hoặc nếu có bán được thì giá cá lại thấp, thu nhập không đủ bù đắp cho chi phí nuôi. Khảo sát thực trạng hoạt động sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm cho thấy, trong nhiều yếu tố ảnh hưởng đến phong trào nói trên như môi trường nuôi, đồng vốn ...thì yếu tố kỹ thuật liên hệ đến việc chuẩn bị, vận hành và quản lý hệ thống nuôi nhằm đảm bảo sản phẩm cá Tra nuôi có chất lượng thịt trắng (thịt cá không bị vàng) và không bị nhiễm dư lượng các chất kháng sinh ảnh hưởng không tốt cho sức khỏe của người tiêu dùng như Chloramphenicol, Furazolidon, Malachite green, Dipterex, Flouroquinolones... là yếu tố

chính ảnh hưởng làm sút giảm năng suất, chất lượng sản phẩm và phong trào nuôi, xuất khẩu sản phẩm cá Tra của ngư dân, doanh nghiệp ở vùng ĐBSCL thời gian qua.

Từ thực trạng trên, việc xác lập chuẩn mực các thông số kỹ thuật của qui trình công nghệ sản xuất sản phẩm cá Tra nuôi theo hướng nâng cao chất lượng và ổn định năng suất sản phẩm mô hình đáp ứng cho nhu cầu thị trường xuất khẩu là giải pháp kỹ thuật rất cần thiết, có ý nghĩa xã hội sâu rộng, góp phần duy trì và phát triển ổn định phong trào nuôi cho ngư dân các tỉnh vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long.

## **II. Một số giải pháp kỹ thuật góp phần nâng cao chất lượng và khai thác bền vững sản phẩm cá Tra xuất khẩu.**

Để góp phần khai thác thật sự hiệu quả tiềm năng, nguồn lợi thủy sản trong các loại hình thủy vực đặc biệt với đối tượng có giá trị xuất khẩu là cá Tra trên cơ sở nâng cao chất lượng sản phẩm và ổn định sản lượng nuôi, một số giải pháp liên quan đến vấn đề qui hoạch phát triển ổn định vùng nuôi và qui trình công nghệ tác động cần lưu ý như sau:

1. Thực hiện tốt “ Qui hoạch phát triển vùng nuôi ổn định, nâng cao chất lượng sản phẩm ” dựa vào tiêu chuẩn *Đảm bảo an toàn và chất lượng cho nuôi trồng và chế biến sản phẩm Thủy sản* (Parrish, 2005) (Tiêu chuẩn SQF 1000).

2. Xây dựng và phát triển tốt mạng lưới cung cấp và kiểm tra chất lượng con giống, chứng nhận con giống đảm bảo chất lượng đạt theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm Thủy sản (Parrish, 2005) giúp người nuôi có được con giống tôm cá có chất lượng tốt, sạch bệnh đảm bảo cho nông hộ thực hiện đạt hiệu quả mô hình nuôi.

3. Tổ chức nhiều khóa đào tạo, huấn luyện cho nông hộ ở các địa phương hiểu và ứng dụng thật đúng về “ Qui trình công nghệ nuôi cá Tra đạt chất lượng xuất khẩu trong hệ thống ao và bè ”. Phải giới thiệu và hướng dẫn cho người dân hiểu và xem đây là khối kiến thức kỹ thuật quan trọng, tác động quyết định đến sự thành công của mô hình nuôi.

4. Thực hành chuẩn hóa các thông số kỹ thuật như độ sâu ao, mật độ thả nuôi, thức ăn, chất lượng nước môi trường nuôi. Tiếp tục hoàn thiện qui trình công nghệ ứng dụng nuôi cá Tra phù hợp trong những điều kiện đất và nước các loại hình thủy vực ở các tỉnh vùng ĐBSCL theo tiêu chuẩn SQF 1000 góp phần hạn chế tối đa khả năng nhiễm bệnh cho cá nuôi, góp phần ổn định năng suất đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả lợi nhuận của mô hình.

5. Đối với cá Tra nuôi, mặc dù là vùng (An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ và Vĩnh Long....) có nhiều kinh nghiệm, nhưng giải pháp kỹ thuật mang tính căn bản quan trọng cần phải điều chỉnh kịp thời là thông qua tính toán thiết kế hoàn chỉnh một mô hình nuôi với hệ thống cấp và thoát nước chủ động, trong điều kiện thuận lợi, thiết nghĩ nông hộ nên xây dựng một hệ thống ao lắng có diện tích có thể chứa đủ lượng nước sạch nhằm chủ động thay 30 – 40 % lượng nước trong ao nuôi mỗi ngày để *đảm bảo chất lượng nước*

trong ao nuôi tốt. Mật độ cá thả nuôi ao dao động từ 15 – 30 con/m<sup>2</sup> là hợp lí, ngược lại trong điều kiện lồng bè với mật độ nuôi cá Tra phổ biến là 60 - 140 con/m<sup>3</sup> (Long và *ctv*, 2001 - 2002) thì việc khống chế mật độ thả nuôi thích hợp dao động từ 60 – 90 con/m<sup>3</sup> trên cơ sở lưu tâm thêm yếu tố hàm lượng vật chất lơ lửng đặc biệt tăng cao (> 100 mg/L) vào mùa mưa lũ (Egna và Boyd, 1997; Long và *ctv*, 2001 - 2002) thường ảnh hưởng rất bất lợi, làm giảm tỉ lệ sống cho tôm cá nuôi (Beveridge, 1987) trong các loại hình thủy vực. Tất nhiên trong quá trình nuôi cá Tra xuất khẩu, bên cạnh giải pháp sử dụng hiệu quả thức ăn với Vitamine C bổ sung theo chế độ định kỳ 2- 3 lần/tuần, chất lượng và khẩu phần ăn thích hợp qua các giai đoạn phát triển góp phần nâng cao chất lượng thịt cá phi lê, tỉ lệ sống và năng suất cá nuôi, nông hộ phải tuyệt đối chấp hành qui định của Bộ Thủy sản về việc cấm sử dụng các loại hóa chất và thuốc kháng sinh dùng cho Thủy sản mà Bộ đã ban hành. Sau cùng, để hạn chế tính chủ quan và tạo sự khách quan, công bằng trong việc đánh giá chất lượng màu thịt cá Tra nuôi (trắng, vàng chanh và vàng...) giữa người nuôi và mua cần phải thống nhất dựa vào phương pháp Colorimeter để đánh giá (Huillery, 2001) sẽ cho kết quả về màu thịt cá Tra chính xác hơn.

7. Tiếp tục nghiên cứu trên cơ sở phát triển đa dạng các mô hình và đối tượng nuôi dựa vào tiêu chuẩn SQF 1000 (Parrish, 2005). Bên cạnh cá Tra nuôi, cần ưu tiên nghiên cứu, thực nghiệm phát hiện và phát triển những đối tượng nuôi mới có giá trị kinh tế và xuất khẩu như cá Bống tượng, cá Kết, cá Bông lau, Cá Leo, cá Ngát, cá Thát Lát Còm, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học vào mô hình nuôi thông qua việc chế biến, sử dụng thức ăn và cải tạo môi trường, cải thiện chất lượng nước góp phần khai thác thật sự hiệu quả và bền vững mọi tiềm năng về đất, nước và tài nguyên thủy sinh vật trong các loại hình thủy vực vùng ĐBSCL.

8. Tiếp tục đẩy mạnh công tác khuyến ngư, xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ, năng lực để có thể tư vấn, tập huấn chuyển giao các qui trình công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới, nâng cao kiến thức hiểu biết về việc sử dụng thuốc, hóa chất để phòng và trị bệnh cho tôm cá nuôi (Tuấn, 2004) giáo dục nông hộ thông qua mô hình nuôi, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, ứng dụng vào mô hình nuôi đạt hiệu quả cả về chất lượng và số lượng, song song đó công tác xây dựng mạng lưới dịch vụ, tiếp thị quảng bá thương hiệu các sản phẩm thủy sản cũng cần được nghiên cứu xúc tiến đầu tư, nâng cao giá trị sản phẩm thủy sản trên thương trường trong cũng như ngoài nước.

Bài học kinh nghiệm từ thực tiễn sản xuất cho thấy, mô hình nuôi cá Tra thường có chi phí đầu tư cao, đòi hỏi nhiều giải pháp kỹ thuật tác động, nên việc thường xuyên tập huấn, chuyển giao qui trình công nghệ, ứng dụng đồng bộ và triệt để những giải pháp kỹ thuật vào các mô hình nuôi của nông hộ là rất cần thiết như cải tạo, kiểm soát, điều tiết và cải thiện chất lượng nước, xác định mật độ thả nuôi hợp lí, kết hợp việc quản lí thật tốt hệ thống nuôi với thức ăn cung cấp theo tiêu chí “ đúng về chất lượng và đủ về số lượng ” thì giá thành sản phẩm sẽ giảm thấp, năng suất ổn định, chất lượng và hiệu quả lợi nhuận tăng

cao. Tất nhiên, khía cạnh môi trường và tính phát triển bền vững của hệ thống nuôi cũng sẽ luôn được khẳng định thông qua sự phát triển đa dạng, kết hợp nhiều thành phần trong hệ thống sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả lợi nhuận cho nông hộ.